

**TỔNG CÔNG TY XDCT
GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 0485 /TCT-QHCD
V/v: Công bố thông tin định kỳ trên
cổng thông tin điện tử của UBCKNN

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Cán Hồng Lai

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính quý I năm 2015 Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2015 - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Cán Hồng Lai

TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG I



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT
QUÝ 1/2015

Hà nội, tháng 05/2015

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1/2015

Tháng 5 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7-22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thôi giữ chức từ ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Phạm Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Giữ chức từ ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Cần Hồng Lai	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên Hội đồng quản trị (Giữ chức từ ngày 25 tháng 04 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cần Hồng Lai	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quảng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MÃU B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.954.387.009.737	4.288.480.813.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	700.705.309.361	846.678.829.415
1. Tiền	111	390.832.188.928	662.134.124.427
2. Các khoản tương đương tiền	112	309.873.120.433	184.544.704.988
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	69.517.904.611	181.694.857.382
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	69.517.904.611	181.694.857.382
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.036.776.329.622	2.135.472.972.471
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.328.980.704.436	1.498.420.914.295
2. Trả trước cho người bán	132	526.765.558.172	485.060.332.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	53.139.043.160	54.447.628.560
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	174.856.672.231	144.509.745.193
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(46.965.648.377)	(46.965.648.377)
IV. Hàng tồn kho	140	984.058.626.095	923.523.105.032
1. Hàng tồn kho	141	984.058.626.095	923.523.105.032
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	163.328.840.048	201.111.049.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.840.352.333	21.699.656.765
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	16.395.783.168	30.377.146.114
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	712.889.634	916.024.511
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	143.379.814.913	148.118.221.695
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	688.788.052.362	716.994.718.501
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	522.762.000	104.687.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	104.687.000	104.687.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	418.075.000	
II. Tài sản cố định	220	218.475.813.026	241.860.978.749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	204.715.795.096	228.031.918.669
- Nguyên giá	222	631.318.317.618	661.744.302.702
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(426.602.522.522)	(433.712.384.033)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0
- Nguyên giá	225	3.657.359.307	3.657.359.307
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	(3.657.359.307)	(3.657.359.307)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13.760.017.930	13.829.060.080
- Nguyên giá	228	15.468.389.968	15.468.389.968
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(1.708.372.038)	(1.639.329.888)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	59.572.007.501	60.984.320.046
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	59.572.007.501	60.984.320.046
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	324.147.844.814	321.174.676.305
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	257.113.968.156	255.140.799.647
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	67.033.876.658	66.033.876.658
V. Tài sản dài hạn khác	260	75.768.371.032	82.568.802.412
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	74.142.949.991	80.684.106.371
2. Tài sản dài hạn khác	268	1.625.421.041	1.884.696.041
V. Lợi thế thương mại	269	10.301.253.989	10.301.253.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	4.643.175.062.099	5.005.475.531.886

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

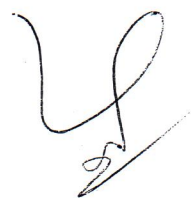
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	3.768.677.959.817	4.143.569.929.180
I. Nợ ngắn hạn	310	3.718.516.941.829	4.092.688.013.010
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.388.215.994.569	1.468.195.013.127
2. Người mua trả tiền trước	312	1.167.808.294.181	1.372.810.772.205
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	258.633.278.534	265.323.449.898
4. Phải trả người lao động	314	40.067.579.677	67.300.387.033
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	182.100.506.353	198.761.255.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	46.685.743.389	61.620.355.073
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	917.677.756	1.298.281.578
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	308.351.931.640	346.437.394.325
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	318.967.063.444	301.836.067.310
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	1.415.476.760	1.415.476.760
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.353.395.526	7.689.559.790
II. Nợ dài hạn	330	50.161.017.988	50.881.916.170
1. Phải trả dài hạn khác	337	29.178.349.027	31.845.143.470
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.982.668.961	18.942.473.186
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	94.299.514
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	810.450.144.458	789.795.486.797
I. Vốn chủ sở hữu	410	810.450.144.458	789.795.486.797
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.228.055.870	4.228.055.870
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.796.754.961	5.796.754.961
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	100.425.333.627	79.770.675.966
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	82.408.218.357	79.770.675.966
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18.017.115.270	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	64.046.957.824	72.110.115.909
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400+439)	440	4.643.175.062.099	5.005.475.531.886



Cấn Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 05 năm 2015



Võ Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1 năm 2015

MẪU B 02a-DN/HN

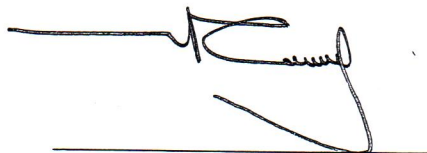
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 1 NĂM 2015	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY NĂM 2015
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	970.598.000.053	970.598.000.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10=1-2	970.598.000.053	970.598.000.053
4. Giá vốn hàng bán	11	909.865.412.364	909.865.412.364
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20=10-11	60.732.587.689	60.732.587.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.739.896.573	17.739.896.573
7. Chi phí tài chính	22	7.622.302.338	7.622.302.338
- Trong đó chi phí lãi vay	23	4.324.266.030	4.324.266.030
8. Chi phí bán hàng	25	14.520.000	14.520.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	50.617.065.751	50.617.065.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	20.218.596.173	20.218.596.173
30= 20+(21-22)-(24+25)			0
11. Thu nhập khác	31	14.256.364.891	14.256.364.891
12. Chi phí khác	32	14.001.999.524	14.001.999.524
13. Lợi nhuận khác	40=31-32	254.365.367	254.365.367
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50=30+40	20.472.961.540	20.472.961.540
15. CF Thuế thu nhập DN hiện thành	51	3.964.979.189	3.964.979.189
16. CF Thuế thu nhập DN hoãn lại	52	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60=50-51-52	16.507.982.351	16.507.982.351
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	1.729.094.599	1.336.482.839
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	14.778.887.752	1.368.948.009
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		211	211



Cấn Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 04 năm 2015



Võ Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

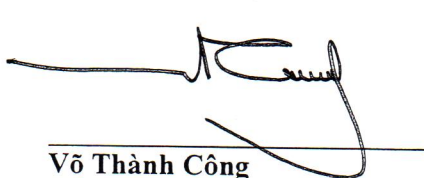
Mẫu B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	20.472.961.540
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	12.755.793.283
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	187.284.409
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.101.720.000)
Chi phí lãi vay	06	6.291.460.632
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.605.779.864
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	97.388.057.449
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(60.535.521.063)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(367.341.120.003)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	25.400.460.812
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.291.460.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.531.975.425)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	19.334.007.615
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.894.922.617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(279.866.694.000)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(3.136.118.829)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đvị khác	24	124.596.752.771
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.419.800.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(2.973.168.509)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.654.316.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	114.721.982.037
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	291.556.103.090
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(272.384.911.181)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.171.191.909
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(145.973.520.054)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	846.678.829.415
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	700.705.309.361



Cán Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 05 năm 2015



Võ Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0100104274 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 6 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700 tỷ đồng, được chia thành 70 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP có 12 đơn vị thành viên, cụ thể bao gồm:

- Văn phòng Tổng Công ty;
- Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1;
- Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 1
- Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Xí nghiệp Cầu 17;
- Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1
- Xí nghiệp xây dựng công trình Cienco1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên; và
- Công ty Xây dựng 123;
- Ban quản lý dự án Nhà Chung cư.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng Công trình công ích;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế Công trình cầu, đường bộ; Thiết kế Công trình dân dụng và Công nghiệp;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp; Dịch vụ tư vấn du học; Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại;
- Tư vấn xây dựng công trình giao thông; Khảo sát trắc địa Công trình; Khảo sát địa chất nền móng công trình;
-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty - Công ty Cổ phần áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Các Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tổ hợp được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Tổng Công ty có 05 (năm) Công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/ Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP cầu 12 - Cienco1	Long Biên, Hà nội	50,60%	Xây dựng và thiết kế các công trình giao thông
Công ty CP XDCT & đầu tư 120	Gia Lâm, Hà nội	58,12%	Xây dựng và thiết kế các công trình giao thông
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	Long Biên, Hà nội	53,00%	Gia công cơ khí, xây dựng và thiết kế công trình giao thông
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 248	Hai Bà Trưng, Hà nội	67,83%	Quản lý và bảo dưỡng đường bộ
Công ty CP TV thí nghiệm CTGT 1- Cienco1	Đống Đa, Hà nội	51,00%	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, tư vấn giám sát khảo sát công trình

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư dài hạn*****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình còn bao gồm giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	37.245.122.237	167.859.705.867
Tiền gửi ngân hàng	352.154.736.500	494.274.418.560
Các khoản tương đương tiền	311.305.450.624	184.544.704.988
Cộng	700.705.309.361	846.678.829.415

2. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	33.389.243.146	36.368.542.504
Công cụ, dụng cụ	2.065.943.337	1.479.880.247
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	943.463.969.899	880.747.642.495
Thành phẩm	4.501.250.535	4.409.802.903
Hàng hóa	638.219.178	517.236.883
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	984.058.626.095	923.523.105.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>149.962.512.636</u>	<u>382.913.043.300</u>	<u>118.368.635.570</u>	<u>8.613.755.281</u>	<u>1.886.355.915</u>	<u>661.744.302.702</u>
- Mua trong kỳ	65.780.000	446.738.182	2.307.964.283	-	315.636.364	3.136.118.829
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(6.595.846.808)	(7.724.850.647)	(18.520.416.718)	(720.989.740)	-	(33.562.103.913)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>143.432.445.828</u>	<u>375.634.930.835</u>	<u>102.156.183.135</u>	<u>7.892.765.541</u>	<u>2.201.992.279</u>	<u>631.318.317.618</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>73.499.673.839</u>	<u>272.368.115.027</u>	<u>79.854.253.898</u>	<u>6.977.846.529</u>	<u>1.012.494.740</u>	<u>433.712.384.033</u>
- Khấu hao trong kỳ	1.643.198.082	7.491.272.567	3.158.668.809	210.937.228	182.674.447	12.686.751.133
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(2.107.232.449)	(3.804.210.498)	(13.394.869.482)	(490.300.215)	-	(19.796.612.644)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>73.035.639.472</u>	<u>276.055.177.096</u>	<u>69.618.053.225</u>	<u>6.698.483.542</u>	<u>1.195.169.187</u>	<u>426.602.522.522</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>76.462.838.797</u>	<u>110.544.928.273</u>	<u>38.514.381.672</u>	<u>1.635.908.752</u>	<u>873.861.175</u>	<u>228.031.918.669</u>
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>70.396.806.356</u>	<u>99.579.753.739</u>	<u>32.538.129.910</u>	<u>1.194.281.999</u>	<u>1.006.823.092</u>	<u>204.715.795.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
- Tại ngày đầu năm	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	-	-
- Tại ngày đầu năm	881.075.888	758.254.000	1.639.329.888
- Khấu hao trong kỳ	69.042.150	-	69.042.150
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	950.118.038	758.254.000	1.708.372.038
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	-	-
- Tại ngày đầu năm	13.829.060.080	-	13.829.060.080
- Tại ngày cuối kỳ	13.760.017.930	-	13.760.017.930

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách sạn VPCN Tây bắc tại Sơn la	59.368.690.627	59.368.690.627
Công trình khác tại công ty con	203.316.874	1.615.629.419
Cộng	59.572.007.501	60.984.320.046

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,

Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ	
	Số lượng CP	Giá trị
Công ty CP PT đầu tư và XD 115 - Cienco1	126.323	1.263.234.000
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	58.681	586.812.929
Công ty CPXD giao thông & TM 124	720.000	7.200.000.000
Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	480.000	6.214.309.449
Công ty cổ phần Cầu 14- Cienco1		
Công ty CP XDCT15-cienco1	450.000	4.500.000.000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá		21.050.000.000
Công ty CP BOT Cầu Việt trì	4.453.240	44.532.400.000
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên		49.400.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	235.000	2.350.000.000
Công ty cổ phần XD công trình 1	490.000	4.900.000.000
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	259.000	2.641.303.364
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	4.000.000	40.000.000.000
Công ty CP SXVL & XD công trình 1	257.100	2.571.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1	220.500	2.770.727.287
Công ty XD, SXCN và XNK 125	171.500	1.715.000.000
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	5.749.403	57.494.028.490
Công ty CP TVĐT XDCT GT1 -Cienco1	322.000	4.381.967.232
Công ty CP ĐTXD và TM du lịch - Cienco1	99.969	999.686.135
Công ty TNHH Hall Brothers International		2.543.499.270
Cộng		257.113.968.156

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	
	Số lượng CP	Giá trị
Cty CP ĐT&XD hạ tầng Anphanam	402.591	4.025.905.831
Công ty CPĐT & XD công trình 134	569.074	5.823.411.406
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu giẽ		49.032.000.000
Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng		1.000.000.000
Công ty CPĐT TM & XD giao thông 1	406.000	5.348.575.013
Tiền gửi kỳ hạn trên 1 năm		1.420.000.000
Đầu tư dài hạn khác		383.984.408
Cộng		67.033.876.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)		Mẫu B 09 - DN	
		Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

5. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<u>Số dư tại ngày đầu năm</u>	<u>700.000.000.000</u>	<u>4.228.055.870</u>	<u>5.796.754.961</u>	<u>79.770.675.966</u>	<u>789.795.486.797</u>
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lợi nhuận trong kỳ				16.507.982.351	16.507.982.351
- Phân phối các quỹ					-
- Tăng/giảm khác				4.146.675.310	4.146.675.310
<u>Số dư tại ngày cuối quý</u>	<u>700.000.000.000</u>	<u>4.228.055.870</u>	<u>5.796.754.961</u>	<u>100.425.333.627</u>	<u>810.450.144.458</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>
- Doanh thu bán hàng	24.372.249.363
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.605.981.934
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	911.619.768.756
Cộng	<u>970.598.000.053</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.352.272.787
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.763.243.888
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	858.749.895.689
Cộng	<u>909.865.412.364</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.777.916.604
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.876.400.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	983.859.969
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.101.720.000
Cộng	<u>17.739.896.573</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>
- Lãi tiền vay	6.291.460.632
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.248.528.447
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(77.384.069)
- Chi phí tài chính khác	159.697.328
Cộng	<u>7.622.302.338</u>

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận sau thuế	14.778.887.752
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>211</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>
Doanh thu	139.500.584.045
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	79.914.270.032
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	56.549.610.377
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	3.036.703.636
Mua hàng	42.588.114.681
Công ty cổ phần XD công trình 1	3.357.910.208
Công ty CP cầu 12 - Cienco1	11.915.756.509
Công ty CP XDCT & đầu tư 120	1.687.967.000
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	6.053.391.888
Cty đầu tư và xây dựng 125 (XD, SXCN XNK Th.Hóa)	9.254.110.855
Công ty CP XD Cầu đường 19 (Cty133 cũ)	1.170.400.604
Cty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	8.638.802.000
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	143.142.010
Công ty CP TV thí nghiệm CT Giao thông 1-Cienco1	366.633.607

2. Số dư với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>
Phải thu khách hàng	2.298.896.555
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	1.536.117.261
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	2.298.896.555
Người mua trả tiền trước	184.918.620.426
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	92.478.510.933
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	82.440.109.493
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	10.000.000.000
Phải trả người bán	41.432.053.392
Công ty CP cầu 12 - Cienco1	28.833.214.339
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	7.371.203.940
Công ty CP TV thí nghiệm CT Giao thông 1-Cienco1	5.227.635.113
Trả trước cho người bán	26.121.265.583
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	464.742.804
Công ty CPĐT & XD công trình 134	7.757.282.344
Công ty CP XD đường bộ 248 - Cienco1	679.381.312
Công ty CP XD Cầu đường 19 (Cty133 cũ)	513.480.557
Cty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	953.102.843
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	3.243.584.033
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	12.509.691.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý.

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán, một số số liệu đã được trình bày lại phù hợp với sự điều chỉnh mẫu báo cáo của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 05 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập